

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/DS-PT

Ngày: 15/8/2022

Về việc “*Tranh chấp yêu cầu  
mở lối đi*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hưng

*Các Thẩm phán* : Ông Lê Hồng Sơn

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Huỳnh Thanh Phước, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLPT-DS ngày 20/7/2022 về “*Tranh chấp yêu cầu mở lối đi*”.

Do Bản án số 80/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

*1.1 Ông Nguyễn Văn Đ (Đ), sinh năm 1945 (vắng mặt)*

*1.2 Bà Hồ Thị H, sinh năm 1951 (vắng mặt)*

*Cùng cư trú: ấp BH2, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.*

*\* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1983; cư trú: ấp BH2, xã M, huyện C tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022). (có mặt)

- Ông Lê Hồng P, sinh năm 1970; cư trú: đường L, phường T1, quận P1, Thành

phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022) (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1939 (chết năm 2021);

Bà Cao Thị M1, sinh năm 1943 (chết năm 2012)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn*:

- Ông Nguyễn Hải T1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng trú tại ấp BH2, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của ông T1, bà N*: Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1976; trú tại: ấp BH2, xã M, huyện C tỉnh An Giang. (giấy ủy quyền ngày 28/7/2020) (có mặt);

- Ông Nguyễn Bảo T2, sinh năm 1974. Trú tại ấp BH2, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt);

- Ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1976. Trú tại ấp BH2, xã M, huyện C tỉnh An Giang; (có mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L1*: ông Nguyễn Bác A, Luật sư Văn phòng luật sư K – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Trú tại ấp VHB, xã Đ1, huyện C1, tỉnh An Giang;

- Bà Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: ấp AH, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh An Giang

*Người đại diện hợp pháp của bà L2, bà G*: ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1976. Trú tại: ấp BH2, xã M, huyện C tỉnh An Giang (giấy ủy quyền ngày 14/8/2020) (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1979 (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bà T2*: ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1976. Trú tại: ấp BH2, xã M, huyện C tỉnh An Giang. (giấy ủy quyền ngày 06/8/2020) (có mặt)

- Ông Nguyễn Thành T4, sinh năm 1972 (đã chết năm 1987, không khai tử, không có vợ, con).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Bảo T2, sinh năm 1974. Trú tại ấp BH2, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (có mặt)

*Người kháng cáo*: ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H, là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phú T trình bày: Ông Đ và ông M là anh em ruột, ông Đ được cha mẹ cho phần đất ngang trước 10m ngang hậu 11 dài 90m, do khó khăn nên ông Đ đã bán phần đất mặt tiền ngang 10m dài 45m, còn trong hậu ông Đ đang cất nhà ở. Do thời điểm đó, đất cặp ranh cũng còn của cha ông nên gia đình ông đi trên lối đi đất của cha ông ngang 1,7m dài 50m. Năm 1996, ông M dời nhà về cất trên đất của cha ông, ông M còn cho con là Nguyễn Bảo T2 cất nhà cặp đường đi. Năm 2006, ông T2 che chắn, lấn chiếm đường đi nhỏ lại gây khó khăn cho việc đi lại của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất của cha ông. Tuy nhiên, Tòa án tỉnh An Giang xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đ và công nhận quyền sử dụng đất diện tích 889m<sup>2</sup> cho ông M và bà M1 bao gồm cả lối đi vào nhà ông Đ. Do lối đi bị nhà của ông T2 lấn chiếm, việc đi lại của gia đình ông gặp khó khăn nên ông Đ, bà H yêu cầu mở rộng lối đi ngang 1,7m dài 50m trong diện tích đất 889m<sup>2</sup> của ông M, bà M1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc hoàn giá trị đất thì ông Đ, bà H không đồng ý hoàn giá trị do đất này là của ông bà để lại.

\* Bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì đất này đã được Nhà nước cấp theo quyết định của Tòa án tỉnh An Giang, diện tích được cấp là 832,1m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01882 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 20/9/2010 cho ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị M1 đứng tên quyền sử dụng, trong diện tích đất được cấp đã bao gồm luôn cả lối đi hiện tại vào nhà ông Đ. Nếu gia đình ông Đ rút đơn kiện thì gia đình của ông M vẫn giữ nguyên lối đi như hiện trạng cho gia đình ông Đ đi, còn nếu gia đình ông Đ vẫn kiện thì gia đình ông M đồng ý giữ nguyên lối đi như hiện nay, không đồng ý mở rộng thêm lối đi, nhưng yêu cầu ông Đ phải bồi hoàn giá trị cho gia đình ông M theo giá thực tế Hội đồng định giá đã định.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bảo T2 trình bày: không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì nhà của ông T2 đã được xây dựng kiên cố tiếp giáp với lối đi hiện tại từ năm 2004 đến nay, đồng thời lối đi này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M (cha của ông T2).

Tại Bản án số 80/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ (Đ), bà Hồ Thị H.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu mở rộng thêm lối đi.

Mở lối đi có diện tích 56,2m<sup>2</sup> tại các điểm 38, 39, 10, 12, 13, 16, 41, 17 của Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 04/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Phú, trong diện tích 832,1m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH1882 ngày 29/9/2010 cho ông M và bà M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ (D), bà Hồ Thị H phải thanh toán số tiền bồi hoàn giá trị đất là 101.160.000đ (Một trăm lẻ một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3 có trách nhiệm giao diện tích đất 56,2m<sup>2</sup> làm lối đi cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, đo đạc, định giá, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2022, ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Ông Lê Hồng P và ông Nguyễn Phú T cho rằng ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng chỉ một phần đất mặt tiền cho người khác, để lại phần đất có chiều ngang 01m làm lối đi, gộp với lối đi chung đã có từ trước nên phần lối đi có chiều ngang 1,7m và hiện tại vẫn còn dấu tích là con đường đi xuống sông ở vị trí bên kia quốc lộ 91, đối diện phần đất yêu cầu trả lối đi có chiều ngang 02m. Nhưng với ý định chiếm lối đi, ông M để con là ông Nguyễn Bảo T2 cất nhà lấn chiếm phần lối đi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của kháng cáo của ông M và bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đức L1 có ý kiến: trước đây giữa ông Đ và ông M đã xảy ra tranh chấp thừa kế đối với tài sản mà ông Đ cho rằng là di sản của cụ Nguyễn Văn Trát, vụ việc tranh chấp giữa các đương sự

đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2010/DS.PT ngày 13/01/2010 có nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, từ cơ sở đó phía ông Đ đã được cấp quyền sử dụng đất và theo sơ đồ cấp quyền sử dụng đất cho ông Đ hoàn toàn không thể hiện lối đi chung. Hiện tại, phía nguyên đơn yêu cầu mở lối đi chiều ngang 1,7m nhưng nhà ông Nguyễn Bảo T2 đã cất kiên cố từ năm 2004 và nếu chấp nhận theo yêu cầu của phía nguyên đơn thì ông T2 phải đập phá căn nhà và sẽ gây thiệt hại lớn cho ông T2. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H.

Ông Nguyễn Đức L1 và ông Nguyễn Bảo T2 thống nhất với ý kiến của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án:

Từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: lối đi đang tranh chấp được xác định thuộc quyền sử dụng của phía bị đơn theo Bản án phúc thẩm số 03/2010/DS-PT ngày 13/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Do phần đất và nhà của nguyên đơn bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề, không có lối đi nào khác để đi ra đường công cộng ngoài lối đi đang tranh chấp; hiện trạng lối đi không phải là lối đi công cộng nhưng là lối đi duy nhất, thuận tiện nhất để gia đình nguyên đơn đi ra đường công cộng. Phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn mở rộng thêm lối đi có chiều ngang 1,7m nhưng không được những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn chấp nhận; mặt khác, nhà ông T2 đã cất năm 2004, xây kiên cố nên không thể di dời để mở rộng thêm lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và xử như nội dung phần quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định số và ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, bà M1 chưa chính xác và biên bản phiên tòa thể hiện không đúng về diễn biến phiên tòa khi ghi nhận “Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã được thông qua tại phòng nghị án” nên cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và ông bà là người cao tuổi, có đơn xin Miễn tiền án phí nên kháng cáo của ông bà là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[1.2] Về việc xác định tư cách tố tụng của đương sự: ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của ông Đ và bà H, xác định bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Cao Thị M1 nhưng bà M1 đã chết trước khi ông Đ và bà H khởi kiện và Tòa án không có căn cứ để xác định bà M1 đã chết. Tuy nhiên, sau khi thụ lý và đã thu thập đầy đủ căn cứ để xác định bà M1 chết trước khi thụ lý vụ án, đáng lẽ Tòa án phải thông báo yêu cầu đương sự sửa đổi đơn khởi kiện, xác định lại cho đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự nhưng Tòa án lại tiếp tục xác định bà Cao Thị M1 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và đưa những người thừa kế của bà M1, ông M tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chưa chính xác, hơn nữa, một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà M1 là anh Nguyễn Thành T4 đã chết trước bà M1 nhưng Tòa án vẫn xác định anh T4 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M1, ông M là không đúng; ngoài ra, khi giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã ban hành bản án nhưng biên bản phiên tòa lại thể hiện Hội đồng xét xử công bố quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là chưa thể hiện đúng với diễn biến phiên tòa. Tuy nhiên, xét các sai sót, vi phạm trên của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và không làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử nêu rút kinh nghiệm và không cần thiết phải hủy để xét xử lại.

[2] Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Đ và bà H cho rằng lối đi đã có từ trước và thuộc quyền sử dụng của ông bà nhưng do gia đình phía ông M lấn chiếm mà cụ thể là ông M cho con Nguyễn Bảo T2 cất nhà lấn chiếm lối đi nên ông bà yêu cầu phía gia đình ông M phải mở trả lối đi cho ông bà có kích thước ngang 1,7m và dài khoảng 50m. Lờ trình bày này của ông Đ và bà H là không có cơ sở vì trước đây ông Đ đã khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất mà ông Đ cho rằng do cụ Nguyễn Văn Trát để lại nhưng tại Bản án phúc thẩm số 03/2010/DS.PT ngày 13/01/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và xác định toàn bộ phần đất mà ông yêu cầu thuộc quyền sử dụng của ông M (trong đó có phần diện tích đất ông Đ, bà H yêu cầu mở trả lối đi), trên cơ sở đó, ông M và bà

M1 đã được cấp quyền sử dụng đất số CH1882 ngày 20/9/2010. Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 020300 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/5/2016 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H đứng tên đối với diện tích 760m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn (liền kề phần đất thửa 56 thuộc quyền sử dụng của ông M và bà M1) thì ông Đ và bà H không có phần đất nào tiếp giáp với Quốc lộ 91 như đại diện hợp pháp của ông Đ và bà H trình bày. Như vậy, việc ông Đ và bà H cho rằng lối đi đã có từ trước và bị gia đình ông M lấn chiếm là không đúng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ và bà H.

[2.2] Về việc mở lối đi: tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền lối đi qua như sau: “Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Đối chiếu quy định trên với trường hợp của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bất động sản thuộc quyền sử dụng của ông Đ và bà H bị bao bọc bởi các bất động sản khác và lối đi hiện hữu là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất để gia đình ông Đ và bà H đi ra đường công cộng nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mở lối đi cho ông Đ, bà H và buộc ông bà phải đền bù cho phía gia đình ông M là có cơ sở; việc ông Đ và bà H kháng cáo yêu cầu mở lối đi ngang 1,7m và không phải đền bù nhưng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà.

Bên cạnh đó, khi giải quyết vụ án, nhận thấy cấp sơ thẩm tuyên không đúng về thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị M1 nên Hội đồng xét xử cần chỉnh sửa lại cho đúng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành án.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng do ông bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ tiền án phí cho ông bà.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H.

Giữ nguyên Bản án số 80/2022/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ (D), bà Hồ Thị H.

Mở lối đi có diện tích 56,2m<sup>2</sup> tại các điểm 38, 39, 10, 12, 13, 16, 41, 17 của Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 04/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Phú, trong diện tích 832,1m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01882 ngày 20/9/2010 cho ông M và bà M1 đứng tên, đất tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ (D), bà Hồ Thị H phải thanh toán số tiền bồi hoàn giá trị đất là 101.160.000 đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3 có trách nhiệm giao diện tích đất 56,2m<sup>2</sup> làm lối đi cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị H.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Bảo T2, Nguyễn Đức L1, Nguyễn Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị Mỹ G, Nguyễn Thị Mỹ T3 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ (D) và bà Hồ Thị H được miễn toàn bộ án phí.



- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ (Đ), bà Hồ Thị H phải chịu chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ là 3.102.200 đồng (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phước Hưng**